

Từ việc nhìn nhận về năng lực cạnh tranh

Trong cơ chế thị trường, giá cả thị trường là cốt lõi, quan hệ cung-cầu là trung tâm, cạnh tranh là sức sống, là thuộc tính cơ bản và là động lực mạnh mẽ nhất của sự phát triển. Tư tưởng về cạnh tranh đã từng được các nhà kinh tế học cổ điển như A. Smith và D. Ricardo đề cao, tư tưởng này từng tồn tại từ thế kỷ XVIII, khoảng hơn hai thế kỷ qua đa số các nước có nền kinh tế thị trường đã đạt được những thành tựu phi thường trong việc gia tăng khối lượng của cải cho xã hội. Động lực mạnh mẽ nhất của tăng trưởng kinh tế là sức sống của môi trường cạnh tranh.

Việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá để tăng cường khả năng tiêu thụ sản phẩm để nâng cao hiệu quả hạch toán là vấn đề mấu chốt đối với sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Ở Việt Nam kể từ khi đổi mới (1986) đặc biệt trong khoảng 10 năm qua khi chính sách kinh tế nhiều thành phần đi vào cuộc sống, tư tưởng cạnh tranh giữa các đơn vị và giữa các thành phần kinh tế được thừa nhận, một số doanh nghiệp và mặt hàng của Việt Nam đã vươn ra thị trường tham gia cạnh tranh và cạnh tranh được với nước ngoài, biểu hiện kết quả bước đầu và chủ trương đúng đắn của Đảng ta trong

còn yếu. Vì vậy nâng cao sức cạnh tranh trong việc sản xuất và tiêu thụ hàng hoá là vấn đề sống còn của các doanh nghiệp và nền kinh tế trong xu thế hội nhập. Việt Nam đã là thành viên của ASEAN và đang cam kết thực hiện AFTA, đang trực tiếp buôn bán với hơn 100 quốc gia khác, đã ký kết hiệp định thương mại với hơn 70 nước và hiện đang trong giai đoạn đàm phán để gia nhập WTO. Trước hết theo lộ trình của khu vực mậu dịch tự do khu vực Đông Nam Á (AFTA) mà thuế quan sẽ phải giảm dần tới 0% vào năm 2015 và trước mắt là từ 0-5% vào năm 2006. Trong xu thế này, hàng hoá của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt với hàng hoá cùng loại của các nước trên thế giới và trong khu vực, đặc biệt với các nước ASEAN và Trung Quốc, do vậy việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam trở thành nhu cầu bức xúc.

Có thể nhận thấy những năm qua một số mặt hàng của Việt Nam xuất khẩu được trên thị trường thế giới chủ yếu là những mặt hàng có lợi thế so sánh như tài nguyên có sẵn, những sản phẩm thâm dụng lao động với nhân công rẻ... Dự báo những lợi thế này đang mất dần, trái lại nhiều yếu tố đầu vào với giá cao, chất lượng thấp làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng hàng hoá, do đó việc cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam sẽ gặp khó khăn. Cần nhận thức rằng nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là vấn đề tổng hợp chịu sự tác động của nhiều yếu tố như môi trường kinh doanh, năng lực hoạt động của doanh nghiệp, trình độ hạ tầng cơ sở, môi trường chính sách vĩ mô, trình độ kỹ thuật công nghệ... và năng lực dự báo. Những vấn đề này tác động đến năng suất lao động, đến chi phí sản xuất và sức cạnh tranh của hàng hoá.

Những yếu tố cơ bản tác động đến cạnh tranh mà trước đây nhiều người cho là có lợi thế như: nguồn nhân lực dồi dào giá rẻ, môi trường đầu tư tốt, nguồn vốn ẩn trong dân, nguồn tài nguyên phong phú... Những yếu tố này hiện nay không những không phải là cơ hội nữa mà thậm chí đang trở thành những thách thức cần được khắc phục. Vì vậy việc tìm lời giải nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá

Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong xu thế hội nhập

TS. VŨ ANH TUẤN

Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam cần thiết phải tạo một "sân chơi" bình đẳng về mặt pháp lý, không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế khác nhau, giữa quốc doanh và dân doanh để tiến tới hoạt động thống nhất theo luật doanh nghiệp, đẩy mạnh chống độc quyền thông qua bãi bỏ đặc quyền và những ưu đãi về thương mại, thuế, tín dụng, giải quyết nợ tồn đọng, cấp phép đầu tư, giao đất, qui định giá cả.

Mặc dù nền kinh tế thị trường được can thiệp ngày càng sâu ở đa số các nước từ những năm 30 thế kỷ XX trở lại đây nhưng xu thế hiện nay là xu thế tự do hoá thương mại, xu thế phục hồi những tư tưởng tự do kinh doanh. Cùng với xu thế toàn cầu hoá, sự xuất hiện của WTO thay thế cho tổ chức GATT. WTO là tổ chức thương mại toàn cầu, đây là một định chế thương mại của nhiều bên tham gia lấy tự do hoá làm trung tâm và là động lực của sự phát triển.

phát triển kinh tế trong xu thế hội nhập. Tuy nhiên, trước sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường, bên cạnh những thành tựu nhỏ bé đạt được sức cạnh tranh của phần lớn doanh nghiệp và hàng hoá của ta còn yếu kém cả về chất lượng, mẫu mã và giá cả. Sự hội nhập của Việt Nam hiện nay được đánh giá ở mức trung bình ngoại trừ lĩnh vực hạ tầng thông tin. Năm 2001, Việt Nam được xếp hạng về năng lực cạnh tranh thứ 62 trên 67 quốc gia, như vậy nhìn chung sức cạnh tranh của ta

Việt Nam đòi hỏi phải có cái nhìn nghiêm túc kịp thời.

Đến việc xác định các giải pháp

Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp hiện nay cần phải đổi mới một cách đồng bộ cả nhận thức và hành động. Trong thời kỳ bao cấp tư duy hiện vật tồn tại một cách phổ biến đã đẩy lùi và hạn chế cạnh tranh, do đó môi trường kinh tế xơ cứng, tính năng động sáng tạo mất dần, sự thụ động trì trệ tăng dần làm mất động lực phát triển, dẫn đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hoá thấp, hiệu quả hạch toán thấp. Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh là thuộc tính cơ bản tạo sức sống, tư duy giá trị là phổ biến, với tính tự chủ của các chủ thể rất cao, do vậy hiệu quả hạch toán tăng lên, thúc đẩy xã hội phát triển.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam cần chú ý các giải pháp sau đây.

1. Phát triển nguồn nhân lực:

Trước sau nhất quán, Đảng và Nhà nước ta đều cho rằng con người là vốn quý, là nguồn lực cơ bản nhất và là mục tiêu lâu dài của sự phát triển vì thế chính sách giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu. Về chủ trương quan điểm là hoàn toàn đúng đắn, nhưng thực tế cách làm, cơ chế chính sách lại không phù hợp, nhiều khi còn hạn chế dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

Như trên, tác động đến cạnh tranh bởi nhiều yếu tố, nhưng công bằng mà nói thì nguồn nhân lực là nguồn lực cơ bản quyết định sức cạnh tranh-chất lượng nguồn nhân lực có ý nghĩa quan trọng đối với cơ cấu sản xuất, khả năng cạnh tranh, đến hoạt động khoa học công nghệ, đến quản lý và đầu tư..., do đó quyết định tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội. Trước nay chúng ta luôn coi nguồn nhân lực ở Việt Nam rất dồi dào, năng động sáng tạo, cần cù thông minh và giá rẻ là một lợi thế trong hội nhập thì nay không hẳn là ưu thế cho sự phát triển nữa bởi yêu cầu chất lượng nhân lực ngày nay đã đổi khác. Đúng như dự báo của C. Mác theo đà phát triển của xã hội thì lao động cơ bắp trong các ngành sản xuất vật chất sẽ giảm xuống còn lao động trí óc trong các ngành kinh tế dịch vụ sẽ tăng dần, hay theo P. Drucker,

nhà tương lai học người Mỹ từ những năm 60 của thế kỷ XX đã cho rằng "việc làm trong tương lai sẽ chuyển từ phương thức lao động bằng thể lực sang lao động bằng não lực". Nước Nhật đã đạt được những điều kỳ diệu trong phát triển kinh tế những năm 50-60 của thế kỷ trước là minh chứng cho việc biết khai thác và sử dụng tối nguồn nhân lực, họ cho rằng người Nhật thành công nhờ biết bắt đầu bằng sự nghiệp giáo dục và họ cũng khẳng định rằng người Nhật sẽ kết thúc cũng bằng sự nghiệp giáo dục. Do đó chất lượng nguồn nhân lực và việc sử dụng nguồn nhân lực sẽ là điểm mấu chốt cần giải quyết để nâng cao sức cạnh tranh. Theo một nghiên cứu quốc tế về quan hệ giữa chất lượng nguồn nhân lực với năng suất lao động năm 1996 thì nguồn nhân lực có quan hệ tỷ lệ với năng suất lao động, các tác giả công trình nghiên cứu cho rằng khi các yếu tố khác giữ nguyên thì cứ tăng thêm một năm đào tạo cho người lao động thì năng suất sẽ tăng thêm 8%. Thực tế này cũng có thể nhận thấy qua tương quan chỉ tiêu gia tăng thu nhập quốc dân ở các nước Hàn Quốc- Bắc Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan với các nước khác hoặc Mỹ với Mêhicô hoặc giữa Hàn Quốc với Gana...

Nếu như ở thế kỷ XX, tài nguyên thiên nhiên và lao động cơ bắp được coi là nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển thì nay chìa khoá cho sự phát



triển thuộc về chất lượng nguồn nhân lực. Ngày nay tốc độ tăng trưởng phụ thuộc phần lớn vào tương quan giữa nguồn vốn con người, tri thức và những tiến bộ công nghệ. Khi phân tích hồi quy hàm số sản xuất của 87 nước và các nền kinh tế Đông Á thời kỳ 1961-1985, kết luận được rút ra khá lý thú là 60% tốc độ tăng trưởng do vốn con người và vốn vật chất tích lũy mang lại, trong đó vốn con người chiếm từ 51-65% còn vốn vật chất tích lũy chiếm từ 35-49%. Ở các nước có nền kinh tế phát triển hiện nay hiện đang quá độ sang nền kinh tế tri thức thì đầu tư cho tư bản con người đến trên 70%, do đó công nghệ cao và tri thức mới đóng góp đến 80% sự tăng trưởng kinh tế, như vậy tăng cường đầu tư phát triển nguồn nhân lực không chỉ tác động đến tăng năng suất lao động, thực hiện tăng trưởng kinh tế và thu nhập quốc dân mà còn hướng đến việc phát triển, hoàn thiện bản thân con người, nó cũng góp phần điều chỉnh cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu kinh tế và nâng cao chỉ số HDI. Điều này một mặt nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá của Việt Nam, mặt khác thúc đẩy tiến bộ xã hội. Muốn vậy cần nhìn nhận nghiêm túc và thực hiện đầu tư đúng mức cho phát triển nguồn nhân lực. Sự hạn chế về tài chính và cơ chế đầu tư cho giáo dục đang là cản trở lớn làm chậm mục tiêu xã hội hoá giáo dục nâng cao dân trí phát triển, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, bởi những năm qua ngân sách dành cho giáo dục chỉ khoảng 3% GDP. Trong khi nhiều nước đầu tư cho giáo dục với tỷ lệ rất cao, chẳng hạn Úc và Áo 5,4%, Canada 6,9%, Cuba 6,7%, Phần Lan 7,5%, Israel 6%, Thụy Điển 8,3%... Để đạt mục tiêu bước đầu cần tăng ngân sách cho giáo dục lên từ 4-5% trong thời gian tới, gần đây Chính phủ đã quyết định tăng ngân sách cho giáo dục vào năm 2003 nhưng cũng chỉ ở mức 16,4% ngân sách tức 3,5% GDP, đồng thời phải thực hiện đồng bộ theo một quy trình gắn kết giữa đào tạo, phát triển, phát hiện, cử tuyển và sử dụng. Cần xoá bỏ những mặc cảm đố kỵ trong công tác cán bộ, thực hiện tư tưởng "chiêu hiền đãi sĩ", đồng thời nâng cao trách nhiệm và lòng tự trọng công chức như cha ông ta từng làm. Hiện nay số cán bộ quản lý giỏi của ta

còn ít, đa số không được đào tạo, không đủ năng lực cần thiết để điều hành trong môi trường kinh tế thị trường, do đó dẫn đến tình trạng cạnh tranh yếu kém, hiệu quả thấp, thua lỗ, nợ nần chồng chất gây hậu quả nặng nề mà nền kinh tế đang phải gánh chịu.

2. Chống độc quyền, duy trì cạnh tranh:

Tình trạng độc quyền tồn tại một cách phổ biến ở hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế thời kỳ bao cấp, đặc biệt là trong thương mại đã tác động xấu đến nền kinh tế, làm cho nền kinh tế xơ cứng, thiếu năng động. Trong kinh tế thị trường, cạnh tranh trở thành động lực của sự phát triển vì thế đa số các chính phủ trong nền kinh tế thị trường đều chú trọng bảo vệ cạnh tranh, chống độc quyền.

Mặc dù Việt Nam đã thực hiện đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường từ 15 năm qua nhưng tình trạng độc quyền vẫn tồn tại khá phổ biến nhất là đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước, đa số hàng hoá trong các doanh nghiệp nhà nước độc quyền có giá cả cao, các hàng hoá như nguyên liệu, vật tư, điện, nước, chất đốt, xi măng và dịch vụ thông tin có giá cao hơn các nước trong khu vực: giá điện cao hơn 50%, giá nước 70%, cước phí vận tải biển 27%, xi măng 7%, thép xây dựng 20USD/tấn, điện thoại quốc tế chỉ phí ở Việt Nam cao gấp 7 lần so với Singapore, gấp 2 lần so với Trung Quốc, giá thuê đất ở các thành phố của Việt Nam cao hơn ở Trung Quốc từ 4-6 lần, cao hơn ở Thái Lan 6 lần đã làm tăng đáng kể các chi phí đầu vào, do đó nâng cao giá thành sản phẩm làm giảm khả năng cạnh tranh so với hàng hoá cùng loại của các nước bạn.

Trong số 17 tổng công ty (TCT) 91 hiện chỉ có 5 TCT làm ăn có lãi nhưng phần lớn là do độc quyền về giá cả, trong khi đó 12 TCT còn lại bị thua lỗ hoặc hoà vốn. Sự tồn tại một cách nhập nhằng giữa độc quyền nhà nước với độc quyền doanh nghiệp, giữa mục tiêu công ích với mục tiêu lợi nhuận cộng với sự bảo hộ quá lớn của Nhà nước dẫn đến hình thức hoá cạnh tranh làm cho cạnh tranh thiếu hiệu quả. Để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam cần thiết phải tạo một "sân chơi" bình đẳng về mặt pháp lý, không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp

trong các thành phần kinh tế khác nhau, giữa quốc doanh và dân doanh để tiến tới hoạt động thống nhất theo luật doanh nghiệp, đẩy mạnh chống độc quyền thông qua bãi bỏ đặc quyền và những ưu đãi về thương mại, thuế, tín dụng, giải quyết nợ tồn đọng, cấp phép đầu tư, giao đất, qui định giá cả. Điều này một mặt tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, khơi dậy động lực phát triển, mặt khác thể hiện sự phù hợp với lộ trình cắt giảm thuế quan, để tiến tới khung thuế quan từ 0-5% vào năm 2006 mà doanh nghiệp và hàng hoá của Việt Nam vẫn có thể tồn tại được.

Cần sớm ban hành luật chống độc quyền, luật phá sản, thực hiện giá các yếu tố đầu vào cơ bản như năng lượng, thông tin, giá thuê đất, ngang bằng với các nước trong khu vực và thế giới, đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, mở rộng điều tiết Nhà nước về kinh tế thông qua thuế một cách bình đẳng, đổi mới chính sách và cách sử dụng cán bộ là những yếu tố quan trọng tác động đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam trong hội nhập.

3. Khai thác lợi thế so sánh:

Tư duy cơ bản ngày nay không phải "bán cái mình có" mà cơ bản là "bán cái thị trường cần". Mặc dù thương mại mang lại lợi ích cho tất cả các quốc gia tham gia ở những mức độ khác nhau, nhưng hiệu quả cao nhất luôn thuộc về những quốc gia biết khai thác tốt nhất lợi thế so sánh của mình trong thương mại, cần lưu ý rằng cả lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh đều có khuynh hướng thay đổi "ẩn, hiện" thường xuyên qua các giai đoạn tùy thuộc sự phát hiện và lựa chọn.

Việc lựa chọn đúng và việc đẩy mạnh đầu tư sản xuất các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh để tham gia thương mại quốc tế sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá, và do đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ở Việt Nam nói chung mà điển hình là thành phố Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh đầu tư vào các ngành có lợi thế như:

- Chế biến thức ăn gia súc.
- Xây xát, chế biến lương thực.
- Sản xuất sản phẩm bơ sữa.
- Chế biến thủy sản.
- Sản xuất bia.
- Sản xuất thuốc trừ sâu, nông

dược và phân bón.

- Sản xuất thuốc chữa bệnh.
- Sản xuất giày dép, may mặc quần áo.
- Sản xuất thiết bị thu hình, thu thanh.
- Sản xuất máy công cụ, máy chế biến thực phẩm...

Nếu so sánh với các nước ASEAN, có thể thấy một số mặt hàng, ngành hàng của ta có tính cạnh tranh cao như:

- Chế biến thức ăn gia súc.
- Xây xát, chế biến lương thực, chế biến gạo.
- Sản xuất sản phẩm bơ sữa.
- Sản xuất thuốc trừ sâu, nông dược và phân bón.
- Sản xuất sản phẩm cao su.
- Sản xuất giày dép, may mặc quần áo.

Những ngành sẽ gặp khó khăn do khả năng cạnh tranh kém: thuốc da, chế biến và bảo quản rau quả, sản xuất rượu, cồn, sản xuất mía đường...

Có thể nhận thấy những ngành và sản phẩm có lợi thế thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, những ngành thâm dụng lao động, dựa vào tài nguyên tại chỗ. Về lâu dài phải đẩy mạnh đầu tư, nghiên cứu chiếm lĩnh các ngành thâm dụng công nghệ cao, lao động tri thức như công nghệ phần mềm, công nghệ điện tử tin học...

Ngoài những giải pháp cơ bản trên, để nâng cao khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp và hàng hoá Việt Nam cần phải giải quyết tốt vấn đề tài chính và vốn đầu tư, cần có chính sách công nghệ theo hướng khuyến khích ứng dụng công nghệ mới, công nghệ kỹ thuật cao vào sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động, hạn chế việc sử dụng kỹ thuật thủ công lạc hậu năng suất thấp, gây ô nhiễm môi trường ■

Tài liệu tham khảo

- C. Mác, Tư bản, NXB Sự thật.
- P. Drucker, *Managing for the future*
- Tài liệu hội thảo khoa học về cạnh tranh và hội nhập.
- Vũ Anh Tuấn, đề tài NCKH cấp bộ mã số B2001-22-11.
- Vũ Anh Tuấn, *Hội nhập kinh tế và giáo dục trong xu thế toàn cầu hoá*, Tạp chí Phát triển Kinh tế, Xuân 2002
- Trần Đức Hạnh, *Lộ trình tham gia AFTA đối với một số sản phẩm công nghiệp chế biến chủ yếu trên địa bàn TP. HCM*.